**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN AN LÃO**
**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 12-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO – TP. HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đàm Công Du;

2. Ông Phạm Quang Quỳnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lưu Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số: 299/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, địa chỉ: Số T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Vũ Đình N - Chức vụ: Chuyên viên cao cấp Xử lý nợ SeABank

- Ông Trần Văn T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ địa bàn SeABank

(Theo văn bản ủy quyền số 1977/2020/UQ-SeABank ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ), ông Vũ Đình N, Trần Văn T vắng

mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Tiến L và chị Lê Huy T; trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; chị T, anh Lđều vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện An Lão, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là ông Vũ Đình N và Trần Văn T thống nhất trình bày:

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và anh Phạm Tiến L, chị Lê Huy T có thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng từng lần số 87/2018/HĐTDTL-PGDLC. Theo hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ cho anh L, chị T vay khoản tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán một phần tiền xây ngôi nhà 02 tầng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất vay được quy định trong từng Giấy (khế ước) nhận nợ của mỗi lần giải ngân, cụ thể tại Giấy (khế ước) nhận nợ ngày 06 tháng 02 năm 2018 các bên thoả thuận lãi suất vay 9,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay từ tháng thứ 13 trở đi được tính theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất VND kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ + biên độ lãi suất tối thiểu là 3,9%/năm + giảm trừ lãi suất (nếu có), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn và/hoặc bằng 10%/năm và được áp dụng với dư nợ chậm trả.

Thực hiên hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã giải ngân đầy đủ cho anh L, chị T số tiền vay 150.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 06 tháng 02 năm 2018. Để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và anh L, chị T đã giao kết hợp đồng thế chấp tài sản số 87/2018/BĐ-PGDLC, số công chứng 631, quyển số 01/2018.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06 tháng 02 năm 2018. Tài sản thế chấp là toàn bộ Quyền sử dụng 104m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 247-1; tờ bản đồ số 295-C-1; địa chỉ: Thôn Trung 3, xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 078357, số vào sổ cấp GCN: CH0349/AL do UBND huyện An Lão cấp ngày 19 tháng 01 năm 2018 mang tên chủ sử dụng Phạm Tiến L và Lê Huy T. Tài sản thế chấp được lập hợp đồng, công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh L, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ từ ngày 21 tháng 10 năm 2018. Tính đến ngày 12 tháng 5 năm 2021 anh Phạm Tiến L và chị Lê Huy T còn các khoản nợ chưa thanh toán của hợp đồng tín dụng, tổng cộng là 151.562.084đ (một trăm năm mươi mốt triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn không trăm tám mươi bốn đồng); trong đó: nợ gốc là 119.740.000đ (một trăm mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 22.993.986đ (hai mươi hai triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là 8.828.098đ

(tám triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, không trăm chín mươi tám đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu anh L, chị T phải có trách nhiệm trả các khoản nợ này nhưng anh L, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh L, chị T phải thanh toán các khoản nợ của hợp đồng tín dụng số 87/2018/HĐTDTL-PGDLC ngày 06 tháng 02 năm 2018. Trường hợp anh L, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đề nghị được phát mại khối tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 104m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 247-1; tờ bản đồ số 295-C-1; địa chỉ: Thôn Trung 3, xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 078357, số vào sổ cấp GCN: CH0349/AL do UBND huyện An Lão cấp ngày 19 tháng 01 năm 2018 mang tên chủ sử dụng Phạm Tiến L và Lê Huy T để thu hồi nợ.

Bị đơn chị T trong quá trình giải quyết vụ án đã có ý kiến như sau: Chị xác nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và đã nhận đủ số tiền giải ngân là 150.000.000 đồng, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất vay, hình thức vay thế chấp tài sản như Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã trình bày là đúng. Chị T cũng xác nhận còn nợ lại các khoản tiền gốc và lãi như Ngân hàng đã trình bày là đúng. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu trả các khoản nợ như trên chị đồng ý phát mại khối tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng, nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chị T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn anh L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, là đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc anh L, chị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tổng cộng là 151.562.084đ (một trăm năm mươi mốt triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn không trăm tám mươi bốn đồng); trong đó: nợ gốc là 119.740.000đ (một trăm mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 22.993.986đ (hai mươi hai triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là 8.828.098đ (tám triệu, tám trăm hai mươi tám

nghìn, không trăm chín mươi tám đồng). Trường hợp anh L, chị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp. Về án phí: Anh L, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh L, chị T phải chịu toàn bộ chí phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn anh Phạm Tiến L và chị Lê Huy T; đều cư trú: Thôn Trung Thanh Lang 3, xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là ông Vũ Đình Nhất và Trần Văn Tuấn, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị T, anh Lvắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là ông Vũ Đình Nhất, Trần Văn Tuấn; bị đơn chị Lê Huy T và anh Phạm Tiến L.

[3] Trên cơ sở lời khai của các đương sự và chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng: Ngày 06 tháng 02 năm 2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và anh Phạm Tiến L, chị Lê Huy T có thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng từng lần số 87/2018/HĐTDTL-PGDLC. Theo hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ cho anh L, chị T vay khoản tiền 150.000.000đ, mục đích vay: Thanh toán một phần tiền xây ngôi nhà 02 tầng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất vay được quy định trong từng Giấy (khế ước) nhận nợ của mỗi lần giải ngân, cụ thể tại Giấy (khế ước) nhận nợ ngày 06 tháng 02 năm 2018 các bên thoả thuận lãi suất vay 9,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay từ tháng thứ 13 trở đi được tính theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất VND kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ + biên độ lãi suất tối thiểu là 3,9%/năm + giảm trừ lãi suất (nếu có), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn và/hoặc bằng 10%/năm và được áp dụng với dư nợ chậm trả, có chữ ký, con dấu của các bên là hợp đồng tín dụng hợp pháp nên có nghĩa vụ ràng

buộc trách nhiệm đối với các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, theo bảng sao kê tín dụng ngày 12 tháng 5 năm 2021 anh L, chị T đã trả được nợ gốc là 30.260.000đ (ba mươi triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng), nợ lãi là 19.828.178đ (mười chín triệu tám trăm hai mươi tám nghìn một trăm bảy mươi tám đồng). Từ ngày 21 tháng 10 năm 2018 anh L, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và vi phạm hợp đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu trả nợ nhưng anh L, chị T không thực hiện. Việc để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi của anh L, chị T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện nội dung "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*". Vì vậy Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ yêu cầu anh L, chị T trả số tiền nợ gốc là 119.740.000đ (một trăm mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về lãi suất căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng có quy định: *"1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Nên yêu cầu về thanh toán các khoản nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từng lần số 87/2018/HĐTDTL-PGDLC ngày 06 tháng 02 năm 2018, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và anh L, chị T tính đến ngày 12 tháng 5 năm 2021 số tiền nợ lãi trong hạn là 22.993.986đ (hai mươi hai triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là 8.828.098đ (tám triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, không trăm chín mươi tám đồng), là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Anh Phạm Tiến L và chị Lê Huy T được Toà án nhân dân huyện An Lão giải quyết ly hôn tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 nhưng anh L, chị T vay số tiền 150.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ vào ngày 06 tháng 02 năm 2018, khi đó anh Lchị T vẫn là vợ chồng chưa ly hôn. Căn cứ Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ chung về tài sản chung của vợ chồng thì anh L, chị T phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 12 tháng 5 năm 2021 là 151.562.084đ (một trăm năm mươi mốt triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn không trăm tám mươi bốn đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật. Cụ thể, anh Phạm Tiến L phải có trách nhiệm trả số tiền 75.781.042 đồng (Bảy mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi mốt nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng). Chị Lê Huy T phải có trách nhiệm trả số tiền 75.781.042 đồng (Bảy mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi mốt nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng).

[6] Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của ngân hàng: Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng 104m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 247-1; tờ bản đồ số 295-C-1; địa chỉ: Thôn Trung 3, xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 078357, số vào sổ cấp GCN: CH0349/AL do UBND huyện An Lão cấp ngày 19 tháng 01 năm 2018 mang tên chủ sử dụng Phạm Tiến L và Lê Huy T. Tài sản thế chấp được hai bên ký hợp đồng thế chấp tài sản số: 87/2018/BĐ-PGDLC, số công chứng 631, quyển số 01/2018.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06 tháng 02 năm 2018, công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo. Toàn bộ tài sản thế chấp này là tài sản chung của anh Phạm Tiến L và chị Lê Huy T. Nên đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 và Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, yêu cầu đề nghị phát mại tài sản thế chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh L, chị T phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 7.578.000đ (Bảy triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng) đã làm tròn số. Chia kỷ phần anh Phạm Tiến L phải nộp 3.789.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng); chị Lê Huy T phải nộp 3.789.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng). Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Lão.

[8] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh L, chị T phải liên đới chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) chí phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chia kỷ phần anh Phạm Tiến L phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng); chị Lê Huy T phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại các điều 274, khoản 1 điều 275, 280, 317, 318, 323, 299, 463, 466 và điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ quy định tại Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ:

- Buộc anh Phạm Tiến L và chị Lê Huy T phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tổng cộng là 151.562.084đ (một trăm năm mươi mốt triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn không trăm tám mươi bốn đồng); trong đó: nợ gốc là 119.740.000đ (một trăm mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 22.993.986đ (hai mươi hai triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là 8.828.098đ (tám triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, không trăm chín mươi tám đồng). Chia kỷ phần anh Phạm Tiến L phải có trách nhiệm trả số tiền 75.781.042 đồng (Bảy mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi mốt nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng). Chị Lê Huy T phải có trách nhiệm trả số tiền 75.781.042 đồng (Bảy mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi mốt nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên bản án sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từng lần số 87/2018/HĐTDTL-PGDLC ngày 06 tháng 02 năm 2018, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với anh Phạm Tiến L và chị Lê Huy T cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Trường hợp anh Phạm Tiến L và chị Lê Huy T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng 104m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 247-1; tờ bản đồ số 295-C-1; địa chỉ: Thôn Trung 3, xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 078357, số vào sổ cấp GCN: CH0349/AL do UBND huyện An Lão cấp ngày 19 tháng 01 năm 2018 mang tên chủ sử dụng Phạm Tiến L và Lê Huy T để thu hồi nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì anh Phạm Tiến L và chị Lê Huy T phải tiếp tục liên đới trả nợ số tiền gốc và lãi còn lại theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Anh Phạm Tiến L phải nộp 3.789.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng); chị Lê Huy T phải nộp 3.789.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 3.656.000đ (ba triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Lão theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011645, ngày 25 tháng 12 năm 2020.

- Buộc anh Phạm Tiến L và chị Lê Huy T mỗi người phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) chí phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, anh Phạm Tiến L và chị Lê Huy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận :***
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện An Lão;
- Chị cục THA Dân Sự huyện An Lão;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Anh**